**ĐỀ THI THỬ**

**Câu 1**: Oxit là:

A. Hỗn hợp của nguyên tố oxi với một nguyên tố hoá học khác.

B. Hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hoá học khác.

C. Hợp chất của oxi với một nguyên tố hoá học khác.

D. Hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hoá học khác.

**Câu 2**: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. CO2, B. Na2O. C. SO2, D. P2O5

**Câu 3:** Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là

A. K2O. B. CuO. C. P2O5. D. CaO.

**Câu 4:**  Chất khí nào sau đây là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính ?

A. CO2 B. O2 C. N2 D. H2

**Câu 5:**  Dãy chất sau đây chỉ gồm các oxit:

A. MgO, Ba(OH)2, CaSO4, HCl. B. MgO, CaO, CuO, FeO.

C. SO2, CO2, NaOH, CaSO4. D. CaO, Ba(OH)2, MgSO4, BaO.

**Câu 6:**  0,05 mol FeO tác dụng vừa đủ với:

A. 0,02mol HCl. **B.** 0,1mol HCl.

C. 0,05mol HCl. D. 0,01mol HCl.

**Câu 7:**  :Để loại bỏ khí CO2 có lẫn trong hỗn hợp (O2 , CO2) , người ta cho hỗn hợp đi qua dung dịch chứa:

A. HCl B. Ca(OH)2 C. Na2SO4 D. NaC

**Câu 8:** Cho 2,24 lít CO2 (đktc) tác dụng với dung dịch Ba(OH)2 dư. Khối lượng chất kết tủa thu được là :

A. 19,7 g B. 19,5 g C. 19,3 g D. 19 g

**Câu 9:**

Oxit có phần trăm khối lượng của nguyên tố kim loại gấp 2,5 lần phần trăm khối lượng của nguyên tố oxi là:

A. MgO B. Fe2O3 C. CaO D. Na2O

**Câu 10:** Có 4 ống nghiệm đựng các dung dịch: Ba(NO3)2, KOH, HCl, (NH4) 2CO3. Dùng thêm hóa chất nào sau đây để nhận biết được chúng ?

A. Quỳ tím B. Dung dịch phenolphtalein C. CO2 D. Dung dịch NaOH

**Câu 11:**  Kim loại X tác dụng với HCl sinh ra khí hiđro. Dẫn khí hiđro qua oxit của kim loại Y đun nóng thì thu được kim loại Y. Hai kim loại X và Y lần lượt là:

A. Cu , Ca B. Pb , Cu . C. Pb , Ca D. Ag , Cu

**Câu 12:**  Cho phản ứng: BaCO3 + 2X  H2O + Y + CO2; X và Y lần lượt là:

A. H2SO4 và BaSO4 B. HCl và BaCl2 C. H3PO4 và Ba3(PO4)2 D. H2SO4 và BaCl2

**Câu 13:**

Hòa tan 16 gam SO3 trong nước thu được 250 ml dung dịch axit. Nồng độ mol dung dịch axit thu được là:

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 14:** Để làm sạch dung dịch FeCl2 có lẫn tạp chất CuCl2 ta dùng:

A. H2SO4 . B. HCl. C . Al. D. Fe.

**Câu 15:**  Phản ứng giữa dung dịch Ba(OH)2 và dung dịch H2SO4 (vừa đủ) thuộc loại:

A. Phản ứng trung hoà . B. Phản ứng thế.

C. Phản ứng hoá hợp. D. Phản ứng oxi hoá – khử

**Câu 16**: Metan có nhiều ở:

a) Mỏ khí b) Nước ao

c) Không khí d) Nước biển

**Câu 17**: Etilen là:

a) Chất khí, không màu, có mùi hắc, nặng hơn không khí.

b) Chất khí, không màu, không mùi, ít tan trong nước, nhẹ hơn không khí 3 lần.

c) Chất khí nặng hơn không khí 2 lần.

d) Chất khí, không màu, không mùi, ít tan trong nước, nhẹ hơn không khí.

**Câu 18**: Một hỗn hợp gồm hai khí CH4 và C2H4. Để thu khí CH4 tinh khiết ta dùng hóa chất sau:

a) Nước brom thiếu b) Nước vôi trong (Ca(OH)2)

c) Nước cất d) Nước brom dư.

**Câu 19**: Phản ứng cháy giữa etilen và oxi. Tỉ lệ giữa số mol CO2 và số mol nước sinh ra là:

a) 1:1 b) 1:2

c) 2:1 d) 2:2

**Câu 20:**Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ ?

**A**. CH4, C2H6, CO2. **B**. C6H6, CH4, C2H5OH. **C**. CH4, C2H2, CO**. D**. C2H2, C2H6O, CaCO3.

**Câu 21:** Hoá trị của cacbon, oxi, hiđro trong hợp chất hữu cơ lần lượt là

A. IV, II, II. B. IV, III, I. C. II, IV, I. D. IV, II, I.

**Câu 22:** các công thức cấu tạo sau biểu diễn mấy chất?

1. CH3 – CH2 – CH2 – CH2 – CH3 

 

A. 3 chất. B. 2 chất. C. 1 chất. D. 4 chất.

**Câu 23:**Một hiđrocacbon (X) ở thể khí có phân tử khối nặng gấp đôi phân tử khối trung bình của không khí. Công thức phân tử của (X) là A. C4H10. B. C4H8. C. C4H6. D. C5H10.

**Câu 24:**đốt cháy metan bằng khí oxi thì tỉ lệ V của metan và khí oxi nào dưới đây để được hh nổ ?

A. 1 V metan và 3 V oxi. B. 2 thể tích khí metan và 1 thể tích khí oxi.

C. 3 thể tích khí metan và 2 thể tích oxi. D. 1 thể tích khí metan và 2 thể tích khí oxi.

**Câu 25:**Để tinh chế khí metan có lẫn etilen và axetilen, ta dùng

A. dung dịch nước brom dư. B. dung dịch NaOH dư.

C. dung dịch AgNO3/NH3 dư. D. dung dịch nước vôi trong dư.